

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày 07 tháng 02 năm 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn - Ông Trần Hùng Bích

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1233/2024/TLST-DS, ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 811/2024/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 (M). Địa chỉ trụ sở chính: phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà TNR, số A - A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Tổng Giám đốc M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q - Tổng Giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng. Văn bản ủy quyền số 12402/2023/UQ-TGD12 ngày 29/12/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại tại văn bản ủy quyền số 9631/2024/GUQ-TGD12 ngày 04/10/2024, gồm:

Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ A, quốc lộ I, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Chuyên viên chính xử lý nợ khách hàng cá nhân. Vắng mặt.

Ông Đào Anh T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà T, số A - A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyên viên chính xử lý nợ khách hàng cá nhân. Vắng mặt.

Ông Võ Văn L1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số A T, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Chuyên viên xử lý nợ khách hàng cá nhân. Có mặt.

2. Bị đơn: 2.1. Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1977. Địa chỉ thường trú: Số H, tổ B, Lê Hồng P1, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: Số C, N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2.2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1973. Địa chỉ thường trú: Số H, tổ B, Lê Hồng P1, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: Số C, N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết ông Võ Văn L1 đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/4/2022 Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 chi nhánh A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Phạm Thị Thu V thỏa thuận, ký kết giấy đề nghị cấp tín dụng. Theo đó, Ngân hàng cho bà V vay với hạn mức thẻ 5.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 40%/năm, lãi suất quá hạn 145% lãi suất trong hạn.

Ngày 15/4/2022 bà Phạm Thị Thu V tiếp tục thỏa thuận, ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 02818/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2374684 với Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng cho bà V vay 290.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ đời sống, chi tiêu cá nhân, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 14/4/2022 đến ngày 14/4/2023), lãi suất trong hạn thả nổi và được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần, Ngân hàng có quyền điều chỉnh lãi suất thả nổi trong hạn, lãi suất áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức tín dụng đến ngày 14/5/2022 là 18%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho bà V đủ số tiền của các khoản vay trên bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà Phạm Thị Thu V.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà V không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận trong hợp đồng. Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán và ông Trần Văn D là chồng bà V có văn bản đồng thuận ngày 15/4/2022 cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bà V không trả nợ được cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị Thu V và ông Trần Văn D liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02818/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2374684 ngày 15/4/2022 cho Ngân hàng tính đến

hết ngày 07/02/2025 là 481.131.060 đồng. Trong đó, nợ gốc là 289.998.897 đồng; lãi trong hạn 32.625.917 đồng; lãi quá hạn 158.506.246 đồng và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng đã xác lập giữa Ngân hàng với bà V kể từ ngày 08/02/2025 cho đến khi trả hết nợ.

- Yêu cầu bà Phạm Thị Thu V thực hiện nghĩa vụ trả nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 01/4/2022 cho Ngân hàng với số tiền tính đến hết ngày 07/02/2025 là 9.399.813 đồng. Trong đó, nợ gốc 4.300.000 đồng; nợ lãi trong hạn 4.111.342 đồng; lãi quá hạn 988.471 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bà V kể từ ngày 08/02/2025 đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai, ông D và bà V tiếp tục vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Thủ tục tố tụng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H1.

Buộc bà Phạm Thị Thu V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 số tiền đối với khoản vay thẻ tín dụng tính đến ngày 07/02/2025 9.399.813 đồng. Trong đó, dư nợ gốc 4.300.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn 4.111.342 đồng, lãi quá hạn 988.471 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Thu V và ông Trần Văn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 số tiền đối với khoản vay theo hợp đồng thấu chi hạn mức tính đến ngày 07/02/2025 481.131.060 đồng. Trong đó, dư nợ gốc 289.998.897 đồng, dư nợ lãi trong hạn 32.625.917 đồng, lãi quá hạn 158.506.246 đồng.

Tiếp tục thanh toán lãi phát sinh trên các hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V. Bị đơn không có đăng ký kinh doanh, nên thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo Phiếu xác minh của Tòa án về tình trạng cư trú của người tham gia tố tụng đối với ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V tại Công an phường Mỹ Bình, thành phố L ngày 19/11/2024, kết quả xác minh: Qua tra cứu hệ thống dữ liệu dân cư của Công an phường M, công dân Phạm Thị Thu V, sinh năm 1977 và Trần Văn D, sinh năm 1973 có đăng ký thường trú số khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V vắng mặt không có lý do. Ông Võ Văn L1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông D và bà V.

[2]. Về nội dung:

Ngày 01/4/2022 Ngân hàng và bà V ký giấy đề nghị cấp tín dụng. Theo đó, Ngân hàng cho bà V vay hạn mức thẻ 5.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 40%/năm, lãi suất quá hạn 145% lãi suất trong hạn. Ngày 15/4/2022 bà V tiếp tục ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng hạn mức số 02818/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2374684. Theo đó, Ngân hàng cho bà V vay 290.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 12 tháng, đến hạn ngày 14/4/2023. Ngân hàng đã giải ngân cho bà V đủ số tiền của các khoản vay trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà V không thanh toán theo thỏa thuận. Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà V và ông D liên đới nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng số 02818/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2374684 ngày 15/4/2022 tính đến hết ngày 07/02/2025 là 481.131.060 đồng. Gồm: nợ gốc 289.998.897 đồng; lãi trong hạn 32.625.917 đồng; lãi quá 158.506.246 đồng và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng từ ngày 08/02/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị ngày 01/4/2022 với số tiền tính đến hết ngày 07/02/2025 là 9.399.813 đồng. Gồm: nợ gốc 4.300.000 đồng; nợ lãi trong hạn 4.111.342 đồng; lãi quá hạn 988.471 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng thẻ tín dụng kể từ ngày 08/02/2025 đến khi trả hết nợ.

[3]. Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trong quá trình giải quyết và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho ông D, bà V nhưng ông D, bà V vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là ông D, bà V đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do ông D, bà V vắng mặt trong quá trình tố tụng, Tòa án niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông D, bà V biết để ông bà thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định, nhưng ông D, bà V vẫn không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 01/4/2022; hợp đồng tín dụng hạn mức số 02818/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2374684 ngày 15/4/2022 tính đến hết ngày 07/02/2025; biểu phí thẻ tín dụng (TTD); văn bản đồng thuận do ông Trần Văn D xác lập ngày 15/4/2022 về việc vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng đối với khoản vay 290.000.000 đồng; sổ Hộ khẩu mang tên chủ hộ Trần Văn D; giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn D, Phạm Thị Thu V; giấy chứng nhận kết hôn mang tên Trần Văn D, Phạm Thị Thu V cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 về việc yêu cầu yêu cầu bà V và ông D liên đới nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng số 02818/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2374684 ngày 15/4/2022 tính đến hết ngày 07/02/2025 là 481.131.060 đồng, gồm nợ gốc 289.998.897 đồng; lãi trong hạn 32.625.917 đồng; lãi quá 158.506.246 đồng và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng từ ngày 08/02/2025 cho đến khi trả hết nợ; và yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị ngày 01/4/2022 tính đến hết ngày 07/02/2025 là 9.399.813 đồng, gồm nợ gốc 4.300.000 đồng; nợ lãi trong hạn 4.111.342 đồng; lãi quá hạn 988.471 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng thẻ tín dụng kể từ ngày 08/02/2025 đến khi trả hết nợ như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4]. Về án phí: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền phải

thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 đối với ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V.

Buộc ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/02/2025 là 481.131.060đ (Bốn trăm tám mươi một triệu một trăm ba mươi một nghìn không trăm sáu mươi đồng). Gồm: nợ gốc 289.998.897 đồng; lãi trong hạn 32.625.917 đồng; lãi quá hạn 158.506.246 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/02/2025 là 9.399.813đ (Chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn tám trăm mười ba đồng). Gồm: nợ gốc 4.300.000 đồng; nợ lãi trong hạn 4.111.342 đồng; lãi quá hạn 988.471 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 07/02/2025 (ngày 08/02/2025) ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí:

Ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới chịu 23.245.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Thu V có nghĩa vụ chịu 470.000đ (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 được nhận lại 11.124.000đ (Mười một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001881, ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Thu V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa